**NỘI DUNG ÔN THI KSCL – HK1 (10.2016)**

**KHỐI 10**

Nội dung: UNIT 1-3

1. Vocabulary : readings , prepositions & task 1 of unit 1-3
2. Pronunciation & stress: unit 1-3 ( workbook)
3. Word form: unit 1-3
4. Grammar notes
* Tenses: simple present, simple past, simple future, present perfect, past perfect
* Wh- words
* It takes – spend time
* Inversion
* Verb forms
* Passive : tenses
1. Transformation
* Simple past – present perfect & past perfect
* Passive
* It takes
* Verb form
* Wh- words

**CẤU TRÚC ĐỀ KSCL KHỐI 10- HK1**

1. Phần Trắc nghiệm: 7mks
2. Pronunciation: 1-2
3. Stress: 3-4
4. Vocabulary: 5-6
5. Prepositions: 7
6. Closed in meaning: 8
7. Opposite: 9
8. Grammar notes: 10-16
9. Error identification: 17-20
10. Closed test: 21-24 : 100-150 words : theo chủ đề UNIT 1-3
11. Reading Comprehension: 25-28 ( 120-150 từ theo chủ đề UNIT 1-3)
12. Phần tự luận
13. Word form: 29-32 (1mk)
14. Transformation: 33-37 (2mks)

33. Tense transformation

34. Verb form

35. Inversion

36. Wh- words

37. It takes – spend / passive

**GV soạn đề: Cô Khanh, Cô Lan, Cô Ph. Anh, Thầy Phát, Thầy PHúc**

**KSCL LỚP 11**

* Thời gian KSCL dự kiến: 14/10
* ND KSCL: hết Unit 3

+ Phonetics: theo đề cương Unit 1 – 3 (15 câu phát âm, 15 câu dấu nhấn)

+ Vocabulary:

U1(8 từ): Task 1: acquaintance, friend, mutual, loyal, incapable, unselfish, suspicious

 Workbook: sorrow

U2 (6 từ): Task 1: fuss, sneaky, glance, embarrassing, idol

 Workbook: memorable

U3(6 từ): Task 1: không có

 Workbook: anniversary

 Bổ sung: present = gift, adult, relationship, joke

+ Prepositions: theo đề cương (12 giới từ)

be capable of, take up, base on, be loyal to, be concerned with, be tired of , glance at, get on (well) with, pay for something, blow out, give something to someone, tidy up

+ Word form: theo đề cương

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | NOUN | VERB | ADJ | ADV |
| 1 | acquaintance  | acquaint S.O (with ) | acquainted (with ) |  |
| 2 | friendfriendship |  | friendly |  |
| 3 | selfishnessunselfishness |  | selfishunselfish  | selfishlyunselfishly  |
| 4 | constancy |  | constant | constantly |
| 5 | enthusiast enthusiasm  |  | enthusiastic  | enthusiastically |
| 6 | loyalty |   |  loyal | loyally  |
| 7 | care carefulnesscarelessness | care | carefulcareless | carefullycarelessly |
| 8 | imagination | imagine | imaginativeimaginary |  |
| 9 | embarrassment | embarrass | embarrassingembarrassed |  |
| 10 | decision | decide | decisive | Decisively |
| 11 | excitement | excite | excitingexcited |  |
| 12 | celebration | celebrate |  |  |
| 13 | happiness |  | happy | Happily |
| 14 | pleasure | please | pleasant pleased |  |
| 15 | Formalityinformality |  | formal  informal | formally informally |

**+** Reading & cloze test: theo chủ đề Unit 1 – 3 ( không giống SGK)

* Ngữ pháp:

Tenses

Passive voice (basic structure)

Gerund/ (to) infinitive

Passive Gerund/ passive infinitive

Perfect Gerund/ perfect infinitive

Bổ sung thêm:

+ No sooner … than/ hardly … when

**CẤU TRÚC ĐỀ KSCL ANH VĂN 11 HK I (2016 – 2017)**

 **Thời gian làm bài : 45'**

**A.TRẮC NGHIỆM:7mks**

I. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Câu 1 – 2 (đề cương U1-3)

II. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of the primary stress in each of the following questions.

Câu 3 – 4 (đề cương U1-3)

III. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) SIMILAR in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Câu 5 (trong phần Vocabulary U1-3 đã thống nhất)

IV. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Câu 6 (trong phần Vocabulary U1-3 đã thống nhất)

V. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Câu 7 – 8: từ vựng (gồm các từ trong phần Vocabulary, Word family đã thống nhất)

Câu 9: giới từ (trong phần Prepositions U1-3 đã thống nhất)

Câu 10: tình huống giao tiếp thông thường (không nhất thiết giống đề cương)

Câu 11 – 16: Gerund/ (to) infinitive / Passive Gerund/ passive infinitive / Perfect Gerund/ perfect infinitive/ tenses

VII. Mark the letter A, B C or D on your answer sheet to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

Câu 17 – 20

VI. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks.

TOPIC : UNITS 1-3 (không lấy nguyên văn SGK) (150 – 180 words)

Câu 21 – 24

VII. Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

TOPIC : UNITS 1-3 9180 – 200 ws)

Câu 25 – 28

**B. TỰ LUẬN (3pts):**

VIII. Supply the correct form of the word given in each of the following sentences:

Câu 29 – 32 (0.25pt/sentence)

X. Finish each of the following sentences in such a way that it means the same as the sentence printed before it. (0.4pt/sentence) 33 - 37

Câu 33 – 34: biến đổi thì / No sooner /hardly …/ It was not until/ Not until …

Câu 35: Passive voice

Câu 36 – 37: viết lại câu có liên quan verb form

***Các thầy cô dùng font Times New Roman size 12 ; đánh thô, không sử dụng tabs ;***

***Hạn chót nộp đề về VP : 17g ngày 6/10 (thứ Năm)***

**GV soạn đề: Thầy Quế, Cô Cương, Thầy Hòa, Cô Giang, Thầy Phúc**

KSCL ANH 12 HK1 thứ Sáu 14/10/2016

NỘI DUNG:

1. Phonetics, vocabulary, preposition, reading comprehension, cloze test : Unit 1+2+3
2. Grammar: tenses

passive voice: basic + with reporting verbs

reported speech: questions, statements, commands + apologize/ thank …

conditional sentences: type 1, 2, 3

 verb form

CẤU TRÚC:

1 – 2 Pronunciation

3 – 4 Stress

5 – 6 closest

7 – 8 opposite

9 – 11 error

12 – 16 complete / transformation

17 – 18 communicative

19 – 30 the best answer

 preposition: 2

 vocabulary: 3

tense + passive + verb form + reported + condition: 7

31 – 35 cloze test

36 – 41 reading comprehension 1

42 – 50 reading comprehension 2

**GV soạn đề: Cô Hường, Cô Dương, Thầy Hùng Anh, Thầy Hòa**